

Số: 407/QĐ-BQL

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt E-HSMT

**Gói thầu: Thi công xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới**

## GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-BQL ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện và ký các văn bản giai đoạn triển khai, thực hiện dự án;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ theo Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-BQL ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BQL ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án: Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BQL ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá các gói thầu thuộc Dự án: Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BQL ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập tổ thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Báo cáo ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Tổ Thẩm định;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý và Điều hành dự án 2,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hồ sơ mời Gói thầu: Thi công xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Cơ sở lập hồ sơ mời thầu:

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 175/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-BQL ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ- BQL ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án nông nghiệp về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án: Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BQL ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá các gói thầu thuộc Dự án: Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới;

## 2. Nội dung hồ sơ mời thầu:

Chấp thuận nội dung hồ sơ mời thầu Gói thầu: Thi công xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp cảng cá Bình Đại và đầu tư một số hạng mục công trình cho cảng cá Ba Tri mới bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

### **Phần 1. THỬ TỤC ĐẤU THẦU**

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

3. Địa điểm phát hành hồ sơ mời thầu và nộp hồ sơ dự thầu: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ: <http://muasamcong.mpi.gov.vn>

4. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu: *(Phục lục kèm theo)*

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

7. Giá gói thầu: 89.364.490.320 đồng.

8. Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 630 ngày.

10. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

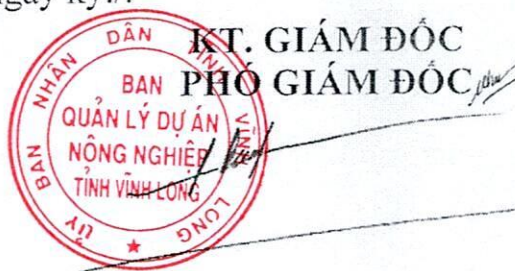
**Điều 2.** Giao Phòng Quản lý và Điều hành dự án 2, Phòng Kế hoạch – Tài Chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Kế hoạch - Tài chính, Kỹ thuật – Thẩm định, Quản lý và Điều hành dự án 2, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- GD, các PGĐ;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐHDA2.TTh.12b.



**Lê Minh Truyền**

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

(Kèm theo Quyết định số: 407/QĐ-BQL ngày 07 tháng 11 năm 2025)

**Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

---

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>1</sup>**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

---

<sup>1</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm );

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 94.415.000.000 <sup>(6)</sup> VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 12.804.289.000<sup>(8)</sup>VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tối thiểu: 12.804.289.000<sup>(8)</sup>VND;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 630 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2027;</li> <li>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự<sup>(9)</sup></b>	<p><b>2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3)</b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây: _____</i></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 công trình có: loại kết cấu Đường giao thông bề rộng tối thiểu 6,5m, có hệ thống thoát nước, chiều</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

	<p>sáng, cấp: III [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V1 = 11.112.979.802</math> VND<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X1 = 22.225.959.604</math> VND, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X1 = 2 \times V1</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X1</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>- 02 công trình có: loại kết cấu Sửa chữa hoặc xây dựng mới kè tường đứng bê tông cốt thép, cấp: IV [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V2 = 18.159.933.622</math> VND<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X2 = 36.319.867.244</math> VND, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X2 = 2 \times V2</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X2</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>- 02 công trình có: loại kết cấu công trình dân dụng dạng nhà (có tính chất tương tự: Hạng mục nhà làm việc, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị), cấp: IV [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V3 = 11.126.946.744</math> VND<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X3 = 22.253.893.488</math> VNĐ, với tư cách là nhà thầu chính</p>				
--	---	--	--	--	--

	(độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý <sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó $X3 = 2 \times V3$ . <u>Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X3</math> thì được coi là đáp ứng.</u>				
--	--	--	--	--	--

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

(thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu

có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

*Ví dụ:*

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và

các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo

Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

*Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.*

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

*Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là  $50\% \times (2X)$  VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.*

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

### **a) Nhân sự chủ chốt:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1	Chỉ huy trưởng công trường	01	<i>tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng tương tự</i>	<p>Có trình độ Cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng công trình (Nông nghiệp &amp; PTNT (thủy lợi) hoặc dân dụng hoặc giao thông hoặc hạ tầng kỹ thuật).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tham gia thi công xây dựng 01 công trình (nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc giao thông hoặc dân dụng hoặc hạ tầng kỹ thuật) từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình (nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc giao thông hoặc dân dụng hoặc hạ tầng kỹ thuật) từ cấp IV trở lên.</li> <li>- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm chỉ huy trưởng công trình cảng (Cảng thủy hoặc cảng cá) hoặc công trình có đầy đủ các hạng mục tương tự: Đường giao thông; Kè bảo vệ bờ; Hệ thống cấp nước PCCC, thoát nước, hệ thống cấp điện có giá trị tối thiểu 40.399.860.000 VNĐ; Hoặc đã làm chỉ huy trưởng ít nhất 01 công trình cảng (Cảng thủy hoặc cảng cá) hoặc công trình có đầy đủ các hạng mục tương tự: Đường giao thông; Kè bảo vệ bờ; Hệ thống cấp nước PCCC, thoát nước, hệ thống cấp điện có giá trị tối thiểu 40.399.860.000 VNĐ.</li> </ul> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng tốt nghiệp;</li> <li>- Quyết định thành lập ban chỉ huy có tên nhân sự tham gia thi công công trình kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đã thực hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên đã tham gia thi công xây dựng công trình. Có ký tên và đóng dấu.</li> </ul>
2	Cán bộ phụ trách kỹ thuật	02	<i>tối thiểu 03 năm hoặc</i>	- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành xây dựng công trình giao

	thi công hệ thống đường giao thông nội bộ		<p><i>tối thiểu 01 hợp đồng tương tự</i></p>	<p>thông hoặc Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hoặc công chánh.</p> <p>- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công hệ thống đường giao thông hoặc đã làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình đường giao thông. Tính chất công trình tương tự: Đường giao thông bề rộng tối thiểu 6,5m, có hệ thống thoát nước, chiều sáng, cấp: III, có giá trị tối thiểu 11.112.979.802 VND</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>- <i>Bằng tốt nghiệp;</i></p> <p>- <i>Quyết định bổ nhiệm kỹ thuật thi công công trình kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đó đã thực hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; Tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên là kỹ thuật công trình. Có ký tên và đóng dấu (nếu chủ đầu tư có dấu).</i></p>
3	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công kè	01	<p><i>tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng tương tự</i></p>	<p>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành xây dựng công trình thủy hoặc Nông nghiệp &amp; PTNT (thủy lợi).</p> <p>- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công kè hoặc đã làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình kè. Tính chất công trình tương tự: Sửa chữa hoặc xây dựng mới kè tường đứng bê tông cốt thép, cấp: IV, có giá trị tối thiểu 18.159.933.622 VND</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>- <i>Bằng tốt nghiệp;</i></p> <p>- <i>Quyết định bổ nhiệm kỹ thuật thi công công trình kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đó đã thực</i></p>

				<p><i>hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; Tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên là kỹ thuật công trình. Có ký tên và đóng dấu (nếu chủ đầu tư có dấu).</i></p>
4	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công công trình dân dụng	01	<p><i>tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng tương tự</i></p>	<p>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng hoặc Kỹ thuật xây dựng hoặc kỹ thuật xây dựng công trình.</p> <p>- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công công trình dân dụng hoặc đã làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình dân dụng. Tính chất công trình tương tự: Hạng mục nhà làm việc, trang thiết bị, cấp: IV có giá trị tối thiểu 14.426.153.687 VND.</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>- <i>Bằng tốt nghiệp;</i></p> <p>- <i>Quyết định bổ nhiệm kỹ thuật thi công công trình kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đó đã thực hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; Tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên là kỹ thuật công trình. Có ký tên và đóng dấu (nếu chủ đầu tư có dấu).</i></p>
5	Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công điện, PCCC	01	<p><i>tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng tương tự</i></p>	<p>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành kỹ thuật điện (điện công nghiệp).</p> <p>- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công điện, PCCC hoặc đã làm Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công ít nhất 01 công trình thi công điện, PCCC có giá trị tối thiểu 7.827.739.801 VND.</p>

				<p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bằng tốt nghiệp;</i></li> <li>- <i>Quyết định bổ nhiệm kỹ thuật thi công công trình kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đó đã thực hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; Tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên là kỹ thuật công trình. Có ký tên và đóng dấu (nếu chủ đầu tư có dấu).</i></li> </ul>
6	Cán bộ phụ trách an toàn lao động (có thể bố trí kiêm nhiệm)	01	<p><i>tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành Bảo hộ lao động hoặc chuyên ngành xây dựng và có chứng nhận về huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.</i></li> <li>- <i>Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm cán bộ an toàn lao động hoặc đã làm cán bộ an toàn lao động ít nhất 01 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV trở lên.</i></li> </ul> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bằng tốt nghiệp;</i></li> <li>- <i>Quyết định bổ nhiệm cán bộ ATLD công trình kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đó đã thực hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên là Cán bộ phụ trách ATLD công trình. Có ký tên và đóng dấu (nếu chủ đầu tư có dấu).</i></li> </ul>
7	Cán bộ kỹ thuật phụ trách khối	01	<p><i>tối thiểu 03 năm hoặc</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành đào tạo về kinh</i></li> </ul>

	lượng/thanh quyết toán		<i>tối thiểu 01 hợp đồng</i>	<p>tế xây dựng hoặc kinh tế kỹ thuật hoặc các ngành kỹ thuật liên quan xây dựng.</p> <p>- Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm Cán bộ kỹ thuật phụ trách khối lượng/thanh quyết toán hoặc đã làm Cán bộ kỹ thuật phụ trách khối lượng/thanh quyết toán ít nhất 01 công trình cấp IV trở lên.</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>- <i>Bảng tốt nghiệp;</i></p> <p>- <i>Quyết định bổ nhiệm cán bộ kèm theo các tài liệu chứng minh công trình mà nhân sự đó đã thực hiện như: Hợp đồng, PLHD (nếu có), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; tài liệu chứng minh loại cấp công trình; xác nhận của Chủ đầu tư về nhân sự nêu trên. Có ký tên và đóng dấu (nếu chủ đầu tư có dấu).</i></p>
--	------------------------	--	------------------------------	---

### **Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

#### **b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được

xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đóng cọc tự hành, bánh xích - trọng lượng đầu búa: 3,5 t (máy) - Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký phương tiện và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).	1
2	Sà lan – trọng lượng $\geq 250T$ (chiếc) - Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký phương tiện và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).	1
3	Tàu kéo và phục vụ thi công thủy (làm neo, cấp dầu,...) - công suất: 150 CV - Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký phương tiện và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).	1

4	<p>Cần cầu bánh xích - sức nâng: 10 T</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	1
5	<p>Cần cầu bánh xích – sức nâng <math>\geq 25T</math> (Chiếc).</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	1
6	<p>Máy đào – dung tích gầu <math>\geq 0,5 m^3</math> (máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	2
7	<p>Máy đào – dung tích gầu <math>\geq 1,25 m^3</math> (máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	2
8	<p>Máy lu bánh thép (chiếc) – trọng lượng tĩnh <math>\geq 10</math> tấn</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc hóa đơn bán hàng hoặc Giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	2
9	<p>Máy ủi – công suất <math>\geq 110CV</math> (Máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	1

10	<p><b>Máy cắt uốn cốt thép – công suất <math>\geq 5KW</math> (Máy).</b></p> <p><b>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng.</b></p> <p><b>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</b></p>	2
11	<p>Máy trộn bê tông - Dung tích <math>\geq 250</math> lít (Máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	04
12	<p>Trạm trộn bê tông <math>\geq 50m^3</math> hoặc đơn vị cung cấp bê tông tươi. (trạm).</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng và Giấy chứng nhận an toàn hoặc Giấy kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	1
13	<p>Máy hàn xoay chiều – công suất <math>\geq 23</math> kW (Máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	04
14	<p>Máy đầm dùi - công suất <math>\geq 1,5KW</math> (Máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	04
15	<p>Máy đầm bàn - công suất <math>\geq 1,0KW</math> (Máy)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	04
16	<p>Giàn giáo (bộ) (1 bộ gồm 42 chân 42 chéo)</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng.</p> <p>- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).</p>	10
17	<p>Máy thủy bình hoặc máy kinh vĩ (toàn đạc điện tử) (bộ).</p> <p>- Tài liệu chứng minh: Hóa đơn VAT hoặc Hóa đơn bán hàng và giấy chứng nhận kiểm nghiệm hiệu chuẩn còn hiệu lực đến thời điểm đấu thầu;</p>	2

- Hợp đồng thuê thiết bị có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT (trường hợp thuê).
--

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### 2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: \_\_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

#### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: - Xi măng các loại, thép xây dựng các loại, cát san lấp, cát vàng các loại, đá các loại, cấp phối đá dăm, thép hình các loại, thép tấm, thép hình inox SUS304, nắp gang các loại, lưới chắn rác, .... - Cờ trà các loại. - Cửa đi, cửa sổ (khung nhôm sơn tĩnh điện, kính cường lực) các loại. Cửa	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp các loại vật tư, vật liệu sử dụng thi công gói thầu phù hợp với hồ sơ thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V, sử dụng vật liệu hợp pháp có tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT. (Nhà thầu cung cấp bản gốc hoặc bản sao chứng thực để chứng minh);	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

<p>kéo Inox304.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơn nước (lót, phủ) nội thất, ngoại thất.</li> <li>- Gạch không nung các loại, gạch ốp, lát các loại, gạch Terazzo.</li> <li>- Tôn tráng kẽm mạ màu.</li> <li>- Phụ gia dùng cho bê tông.</li> <li>- Vải địa kỹ thuật các loại.</li> <li>- Ống bê tông ly tâm đường kính D300-H30, D400-H30, D400-VH, D600-VH.</li> <li>- Ống nhựa HDPE đường kính và đường kính các loại...</li> <li>- Vật tư phân đường dây hạ áp, phần chiếu sáng công cộng, hệ thống camera.</li> <li>- Vật tư hệ thống cấp nước – PCCC.</li> <li>- Vật tư cấp điện nhà, cấp nước nhà, chống sét các loại theo HSTK.</li> <li>- Và các vật tư, vật liệu chính khác (không xem xét vật liệu phụ) phù hợp với HSTK.</li> </ul>		
<p>1.2. Mua sắm lắp đặt thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị trạm cân.</li> <li>- Máy phát điện dự phòng.</li> <li>- Hệ thống Camera giám sát và quản lý.</li> <li>- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bảng cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc (trong đó có danh sách thiết bị) về việc cung cấp các loại vật tư, vật liệu sử dụng thi công gói thầu phù hợp với hồ sơ thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V, sử dụng vật liệu hợp pháp có tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT. (Nhà thầu cung cấp bản gốc hoặc bản sao chứng thực để chứng minh);</li> <li>- Có cam kết về năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng</li> </ul>	Đạt

<p>- Thiết bị cấp nước sinh hoạt</p>	<p>sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. Thời gian bảo hành toàn bộ thiết bị theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không thấp hơn 12 tháng. Thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư tối thiểu trong vòng 7 ngày làm việc.</p>	
	<p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>1.3. Nêu rõ nguồn vật tư cung cấp cho công trình, phương án vận chuyển đến chân công trình, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn các loại vật tư, vật liệu nêu tại tiểu mục 1.1 vật tư, vật liệu và 1.2 Thiết bị bên trên.</p>	<p>Lập bảng đề xuất vật tư, vật liệu sử dụng thi công gói thầu trong đó phải nêu rõ chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nguồn gốc cung cấp, phương án vận chuyển, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực, phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và yêu cầu kỹ thuật tại chương V.</p> <p>Lưu ý: Trong bảng đề xuất trên, nhà thầu chỉ được chào 01 loại vật tư, vật liệu cho mỗi loại vật tư, vật liệu yêu cầu và phải ghi cụ thể theo yêu cầu trên, không ghi tương đương. Nếu không đáp ứng, đề xuất vật tư, vật liệu của nhà thầu không đáp ứng E-HSMT và E-HSDT được đánh giá là không đạt.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không đáp ứng một trong các nội dung sau được đánh giá là Không đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có bảng đề xuất vật tư, vật liệu sử dụng.</li> <li>- Có đề xuất nhưng không đầy đủ các loại vật tư, vật liệu;</li> <li>- Không nêu đầy đủ Chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nguồn gốc cung cấp, phương án vận chuyển, các thông số kỹ thuật; Các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của</li> </ul>	<p>Không đạt</p>

	pháp luật đã hết hiệu lực; không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và yêu cầu kỹ thuật tại chương V. - Đề xuất nhiều hơn 02 loại vật tư, vật liệu cho mỗi loại vật tư, vật liệu yêu cầu.	
1.4. Thí nghiệm vật liệu đầu vào trước khi đưa vào sử dụng	Có cam kết hoặc có hợp đồng nguyên tắc thí nghiệm vật liệu đầu vào cho công trình này với một đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật (có tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT).	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc có hợp đồng nhưng với đơn vị thí nghiệm không có đủ chức năng thực hiện và không ghi rõ mục đích thí nghiệm cho công trình này hoặc có nhưng không đúng tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	<b>Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

**Ghi chú:** Nhà thầu chỉ cam kết trong trường hợp nhà thầu tự cung cấp vật tư thi công công trình (nhà thầu có đăng ký ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng và các loại vật tư khác). Trường hợp khác thì phải có hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp các loại vật liệu xây dựng đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, vật liệu có nguồn gốc hợp pháp.

## 2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ BPTC hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ BPTC hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại.	Chấp nhận được
	Thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ BPTC không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2. Giải pháp trắc	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ	Đạt

đạc (trình tự, biện pháp) để thi công công trình.	BPTC hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.	
	Không trình bày, trình bày không đầy đủ hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng và không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.	Không đạt
<p>2.3. Giải pháp kỹ thuật, trình tự, biện pháp thi công chi tiết cho các hạng mục công việc của gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biện pháp thi công chi tiết các tuyến đường bao gồm nâng cấp và làm mới.</li> <li>- Biện pháp thi công chi tiết hệ thống thoát nước bao gồm sửa chữa và làm mới.</li> <li>- Biện pháp thi công chi tiết sửa chữa tuyến kè bao gồm nâng cấp và sửa chữa.</li> <li>- Biện pháp thi công chi tiết sân bãi đậu xe và thao tác hàng.</li> <li>- Biện pháp thi công chi tiết các công trình dân dụng gồm: Nhà làm việc; Mái che bến; Nhà vệ sinh; Nhà sinh hoạt công đồng; nhà lưu trữ hồ sơ; nhà đặt máy phát điện; nhà để xe; nhà chứa máy bơm nước; hàng rào phân cách khu biên phòng.</li> <li>- Biện pháp thi công chi tiết hệ thống điện (bao gồm nâng cấp và</li> </ul>	<p>- Có thuyết minh và bản vẽ BPTC thể hiện chi tiết trình tự thi công với đầy đủ các thành phần công việc của các hạng mục một cách hợp lý, logic, trong đó có viện dẫn cụ thể các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và phải còn hiệu lực được áp dụng trong quá trình thi công; Biện pháp thi công các hạng mục phải phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, hồ sơ thiết kế được duyệt, yêu cầu kỹ thuật tại chương V, tiến độ thi công, tiến độ cung cấp vật tư, vật liệu, huy động máy móc, hệ thống tổ chức quản lý của nhà thầu, nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đề xuất.</p>	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

<p>làm mới) và chiếu sáng.</p> <p>- Biện pháp thi công chi tiết hệ thống cấp nước – PCCC gồm: Bể chứa nước; Tuyến thu gom nước mưa; Tuyến cấp nước trực chính; Tuyến đường ống cấp nước PCCC; Kim thu sét (Nhà văn phòng, mái che cầu tàu, mái che cầu tàu).</p> <p>- Biện pháp thi công lắp đặt thiết bị gồm: Thiết bị trạm cân; Thiết bị PCCC; Thiết bị cấp nước sinh hoạt; Máy phát điện dự phòng; Hệ thống camera giám sát và quản lý.</p>		
2.4. Biện pháp thi công trong điều kiện mưa bão.	Có giải pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn trong điều kiện mưa bão, gió lớn.	
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	
2.5. Giải pháp (trình tự, biện pháp): Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và dân cư xung quanh.	- Có đề xuất phương án che chắn khu vực thi công, biện pháp chống bụi đảm bảo không làm ảnh hưởng xung quanh khu vực thi công.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	<b>Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

### 3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công	Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc biện pháp tổ chức thi công không khả thi, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện	Không đạt

	trạng công trình xây dựng	
3.2. Tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường	Có sơ đồ cụ thể và thuyết minh sơ đồ cụ thể, ghi rõ trách nhiệm của từng nhân sự chủ chốt, các bộ phận, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ phụ trách kỹ thuật, mối quan hệ giữa Ban chỉ huy công trường đối với các tổ đội thi công.	Đạt
	Không có sơ đồ cụ thể hoặc thuyết minh sơ đồ không cụ thể, sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ phụ trách kỹ thuật, không thể hiện mối quan hệ giữa Ban chỉ huy công trường đối với các tổ đội thi công.	Không đạt
3.3. Bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công và vận chuyển vật liệu.	- Có biện pháp khả thi để triển khai thực hiện công trình này đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông chung, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển vật tư, vật liệu. - Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông (đường bộ, đường thủy) trong quá trình thi công.	Đạt
	Không nêu biện pháp hoặc biện pháp không khả thi.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	<b>Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

#### 4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 630 ngày (có tính điều kiện thời tiết, kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 630 ngày có tính đến điều kiện thời tiết (có tính điều kiện thời tiết, kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày khởi công.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 630 ngày.	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công; b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công; c) Giữa cung cấp vật tư và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c).	Đạt
	Đề xuất không đầy đủ hoặc không phù hợp 1 trong 3 nội dung a), b) và c).	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết theo mẫu	Có biểu tiến độ thi công chi tiết đầy đủ, hợp lý, phù hợp với đề xuất kỹ thuật, trình tự thi công và	Đạt

số 1C (Webform trên Hệ thống) phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	đáp ứng yêu cầu của HSMT	
	Không có biểu tiến độ thi công chi tiết hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đúng trình tự thi công và không đáp ứng yêu cầu của HSMT	Không đạt
4.4. Biểu đồ độ huy động vật tư, vật liệu	Có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu đầy đủ chủng loại đề xuất, hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật, trình tự thi công và đáp ứng HSMT	Đạt
	Không có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không đầy đủ chủng loại đề xuất, không phù hợp với dự toán và đề xuất kỹ thuật của nhà thầu và không đáp ứng HSMT	Không đạt
4.5. Biểu đồ huy động nhân sự, máy móc, thiết bị	Có biểu đồ huy động nhân sự đề xuất, máy móc hợp lý, khả thi, phù hợp trình tự thi công, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và đáp ứng HSMT	Đạt
	Không có biểu đồ huy động nhân sự đề xuất máy móc, thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp trình tự thi công, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và không đáp ứng HSMT	Không đạt
<b>Kết luận</b>	<b>Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

### 5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
5.1. Hệ thống tổ chức quản lý thi công: - Có thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công gồm các nội dung: Sơ đồ quản lý chất lượng; Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công; Sửa chữa, khắc phục hư hỏng. - Biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý.	Trình bày đầy đủ đối với cả 2 nội dung yêu cầu, có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, phù hợp quy định hiện hành.	Đạt
	Không trình bày, hoặc trình bày không đầy đủ, hoặc không có biện pháp bảo đảm chất lượng, hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không phù hợp quy định hiện hành.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng	Trình bày đầy đủ, có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về	Đạt

nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công	biện pháp tổ chức thi công, phù hợp quy định hiện hành.	
	Không trình bày, hoặc trình bày không đầy đủ, hoặc không có biện pháp bảo đảm chất lượng, hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không phù hợp quy định hiện hành.	Không đạt
5.3. Tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi chép nhật ký thi công.	Trình bày đầy đủ, có thuyết minh hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, phù hợp quy định hiện hành.	Đạt
	Không trình bày, hoặc trình bày không đầy đủ, hoặc có thuyết minh không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không phù hợp quy định hiện hành.	Không đạt
5.4. Biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị khi thời tiết bất lợi	Có thuyết minh hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công phù hợp quy định hiện hành.	Đạt
	Không có thuyết minh hợp lý, thuyết minh không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không phù hợp quy định hiện hành.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	<b>Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

## 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
<b>6.1. An toàn lao động</b>	
Thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công: a) Lập Kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động. b) Xác định các vùng nguy hiểm, vùng nguy hại trên công trường và khu vực lân cận công trường, lập Biện pháp kiểm soát bảo đảm an toàn. c) Trách nhiệm của cán bộ quản lý an toàn lao động.	- Có nội dung thuyết minh biện pháp an toàn lao động đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật phải còn hiệu lực. - Có cam kết thực hiện mua bảo hiểm theo quy định tại mục 3, chương IV nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023.
	- Không có hoặc có nội dung thuyết minh biện pháp an toàn lao động nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp
	Đạt
	Không đạt

<p>d) Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho máy, thiết bị thi công để vận chuyển, đào đất đá, vật liệu,...</p> <p>d) Lập biện pháp quản lý nhân sự, thiết bị và biện pháp bảo đảm an ninh công trường, an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công.</p> <p>e) Lập biện pháp quản lý an toàn cho công trình hiện hữu và khu vực xung quanh công trường.</p>	<p>tổ chức thi công hoặc các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy định của pháp luật hết hiệu lực</p> <p>- Không có cam kết thực hiện mua bảo hiểm theo quy định tại mục 3, chương IV nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023.</p>	
<b>6.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>		
<p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy cụ thể cho từng công tác thi công chính và tổng thể công trình có liên quan đến công tác PCCC hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p>	<p>Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy cụ thể cho từng công tác thi công chính và tổng thể công trình có liên quan đến công tác PCCC hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tuân thủ qui định về PCCC trong thi công xây dựng theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và các văn bản khác còn hiệu lực (Kèm theo bản cam kết của nhà thầu).</p>	Đạt
	<p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy cụ thể cho từng công tác thi công chính và tổng thể công trình có liên quan đến công tác PCCC hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy cụ thể cho từng công tác thi công chính và tổng thể công trình có liên quan đến công tác PCCC nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và qui định về PCCC hiện hành (Không kèm theo bản cam kết của nhà thầu).</p>	Không đạt
<b>6.3. Vệ sinh môi trường</b>		
<p>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p>	<p>Nhà thầu phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau (kèm theo bản cam kết của nhà thầu):</p> <p>- Có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công không gây ảnh hưởng và ô nhiễm môi trường, nguồn nước và nêu các tiêu chuẩn quy chuẩn được áp dụng theo quy</p>	Đạt

	<p>định của pháp luật phải còn hiệu lực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi trong quá trình thi công, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rác thải các loại.</li> <li>- Có đề xuất biện pháp xử lý rác thải do quá trình thi công gây ra và chất thải sinh hoạt hằng ngày của nhân công, ban chỉ huy công trường...</li> </ul>	
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	<b>Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

### 7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>7.1. Bảo hành</b>		
Thời gian bảo hành $\geq$ 12 tháng và thuyết minh chế độ bảo hành, nhiệm vụ của nhà thầu trong quá trình bảo hành.	Có đề xuất thời gian bảo hành $\geq$ 12 tháng và thuyết minh đầy đủ, rõ ràng	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành $<$ 12 tháng hoặc không có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng	Không đạt
<b>7.2. Uy tín của nhà thầu</b>		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bản cam kết không có hợp đồng tương tự nào bị phạt vì trễ tiến độ thực hiện hoặc bỏ dở do lỗi nhà thầu, hoặc không đảm bảo chất lượng sản phẩm (nhà thầu không có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)</li> <li>- Nhà thầu không có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</li> <li>- Có bản cam kết nhà thầu không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.</li> <li>- Có bản cam kết nhà thầu không bị cấm tham gia đấu thầu ở bất kỳ địa phương nào trên toàn quốc đang còn hiệu lực.</li> </ul>	Đạt
	- Không có cam kết không có hợp đồng	Không đạt

	<p>tương tự bị phạt vì trễ tiến độ thực hiện hoặc bỏ dở do lỗi nhà thầu, hoặc không đảm bảo chất lượng sản phẩm (nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).</p> <p>- Nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>- Không có bản cam kết nhà thầu không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng từ 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>- Không có bản cam kết nhà thầu không bị cấm tham gia đấu thầu ở bất kỳ địa phương nào trên toàn quốc đang còn hiệu lực.</p>	
<b>Kết luận</b>	<b>Tiêu chuẩn chi tiết 7.1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.</b>	<b>Đạt</b>
	<b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>	<b>Không đạt</b>

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6,7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các

khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): *Không áp dụng.***